

Bản án số 26/2018/HS-ST
Ngày 19-9-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Mạnh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Thúy Trinh

Ông Dương Công Khoan

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hiệt - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn N; sinh ngày 25-01-1990; tại xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị M; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2012 bị Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau gây rối trật tự công cộng, bị xử phạt 500.000 đồng, bị cáo đã nộp phạt số tiền trên theo biên lai thu tiền phạt số 0000800 ngày 21/6/2012; ngày 21/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 02 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 16/7/2014, trở về địa phương và đã chấp hành xong phần trách nhiệm dân sự của bản án, đến ngày 27/5/2018 phạm tội mới, theo quy định của Bộ luật hình sự 2015 đã đương nhiên được xóa án tích; bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/5/2018 đến nay. Có mặt.

2. Hoàng Văn S; sinh ngày 30-02-1984; tại xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C và bà Hoàng Thị M; vợ Hoàng Thị T; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Tốt; bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 29/5/2018 đến nay. Có mặt.

+ *Bị hại*: Ông Dương Văn C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. Bà Hà Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

4. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

+ *Người chứng kiến*: Ông Dương Công H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đêm ngày 26, rạng sáng ngày 27/5/2018 tại khu vực đèo K thuộc thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Hoàng Văn S, sinh năm 1984 và Hoàng Văn N, sinh năm 1990 cùng trú tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn có hành vi trộm cắp 03 (ba) con dê có tổng trọng lượng là 69,5 kg tại lán chăn dê của gia đình ông Dương Văn C, sinh năm 1962, trú tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Qua định giá 03 (ba) con dê mà bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N trộm cắp có tổng giá trị là 5.800.000 đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn N và Hoàng Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo Hoàng Văn N từ 09 đến 12 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Không đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật của vụ án: Đề nghị xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn đã trả cho người bị hại 03 con dê.

- Đề nghị trả lại 02 xe mô tô cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.
- Đề nghị tuyên hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động.
- Tuyên trả 01 lồng sắt (lồng đựng dê) cho bà Hà Thị T.
- Đề nghị tạm giữ số tiền 6.811.000 đồng là tang vật của vụ án để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N là hai anh em ruột và đều là những đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm ổn định. Do gia đình của bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N có lán chăn dê ở khu vực đèo K thuộc thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nên bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N biết ngoài gia đình mình còn có một số hộ dân cũng chăn nuôi dê ở khu vực đó nên đã nảy sinh ý định trộm cắp dê bán lấy tiền tiêu sài.

[2] Khoảng 15 giờ, ngày 26/5/2018 bị cáo Hoàng Văn S sang nhà em trai là Hoàng Văn N ở ngay bên cạnh và rủ Hoàng Văn N cùng đi trộm cắp dê thì bị cáo Hoàng Văn N đồng ý, sau đó cả hai cùng nhau đi xe mô tô sang xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn để tìm người mua Dê. Đến nơi bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S hỏi và tìm đến nhà Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; do Nguyễn Văn Đ không ở nhà nên bị cáo Hoàng Văn S gặp vợ của Nguyễn Văn Đ và xin số điện thoại để liên hệ với Nguyễn Văn Đ, sau đó bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S cùng nhau đi về nhà tại xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Khi về đến nhà bị cáo Hoàng Văn N dùng điện thoại di động gọi cho Nguyễn Văn Đ hỏi về giá cả mua bán dê và được Nguyễn Văn Đ cho biết giá thu mua dê thịt, loại dê đực là 115.000 đồng (một trăm mười lăm nghìn đồng)/01 kg và giá dê cái là 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng)/01 kg. Sau đó bị cáo Hoàng Văn S nói với bị cáo Hoàng Văn N biết ở đâu có lồng sắt không thì đi mượn, và chuẩn bị một cuộn băng dính, còn bị cáo Hoàng Văn S chuẩn bị dây thừng để buộc chân dê, đến nửa đêm khi nào bị cáo Hoàng Văn S gọi thì hai anh em sẽ cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Thống nhất xong thì các bị cáo ai về nhà người ấy để ăn cơm. Đến khoảng 20 giờ ngày 26/5/2018 bị cáo Hoàng Văn N một mình điều khiển xe

mô tô đi đến nhà bà Hà Thị T, sinh năm 1971, trú tại Thôn L, xã T, huyện B để mượn lồng sắt, đến nơi bị cáo Hoàng Văn N nói với bà Hà Thị T là mượn lồng sắt để đi bắt lợn giống về nuôi thì được bà Hà Thị T đồng ý, lấy được lồng sắt bị cáo Hoàng Văn N đi về qua cửa hàng tạp hóa mua một cuộn băng dính màu đen rồi về nhà đi ngủ.

[3] Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 27/5/2018 bị cáo Hoàng Văn S gọi điện thoại cho bị cáo Hoàng Văn N để dậy chuẩn bị đi trộm cắp tài sản. Sau đó bị cáo Hoàng Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 98B1 - 017.88 của gia đình, phía sau xe có chở theo 01 (một) chiếc lồng sắt, còn bị cáo Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 12S1 - 09269 của mình, cả hai đi theo hướng T - H. Khi đi đến một lán bỏ hoang cạnh đường tỉnh lộ 241 ở khu vực đèo Keng Căng thuộc thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn thì cả hai dựng xe mô tô ở đó và đi bộ quay ngược lại khoảng 400 đến 500 mét rồi đi lên khu vực chuồng dê của gia đình ông Dương Văn C, sinh năm 1962, trú tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Hoàng Văn N mở cửa chuồng dê và vào trong chuồng đuổi bắt 01 (một) con dê đực màu lông đen nhưng dê chạy qua chỗ bị cáo Hoàng Văn S đứng, thấy vậy bị cáo Hoàng Văn S túm lấy chân dê và giữ để bị cáo Hoàng Văn N lấy dây thừng buộc chân, lấy băng dính cuốn mồm dê lại và cùng nhau nhấc con dê ra phía ngoài cửa chuồng. Sau đó bị cáo Hoàng Văn N tiếp tục vào trong chuồng dê chọn và bắt được 01 (một) con dê cái màu lông đen - trắng, rồi cùng bị cáo Hoàng Văn S buộc chân, cuốn mồm dê lại. Sau khi bắt trộm xong hai con dê bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N mỗi người vác một con dê đi ra ngoài đường, rồi bị cáo Hoàng Văn S ở lại trông dê còn bị cáo Hoàng Văn N đi bộ ra chỗ để xe lấy xe mô tô có chở theo lồng sắt quay lại cho hai con dê vào lồng và cùng bị cáo Hoàng Văn S chở hai con dê vừa trộm cắp được theo hướng T - H xuống lán trông bò của gia đình cách đó khoảng 200 mét và để hai con dê vừa trộm cắp được ở đó. Bị cáo Hoàng Văn N tìm được một sợi dây thừng tại lán trông bò của gia đình và tiếp tục cùng bị cáo Hoàng Văn S điều khiển xe mô tô quay lại, để xe ở chỗ cũ rồi cùng nhau vào chuồng dê trộm lúc trước bắt được 01 (một) con dê cái màu lông trắng cả hai buộc buộc chân và miệng con dê. Sau đó bị cáo Hoàng Văn N vác dê, bị cáo Hoàng Văn S soi đèn cùng đi bộ ra chỗ để xe mô tô và điều khiển xe chở theo con dê vừa bắt được đi xuống lán trông bò của gia đình rồi cho vào trong lồng cùng hai con dê đã trộm cắp được trước đó. Xong việc cả hai cùng nhau nghỉ tại lán, đến khoảng 04 giờ sáng ngày 27/5/2018 bị cáo Hoàng Văn N điều khiển xe mô tô chở theo 03 (ba) con dê trộm cắp được, bị cáo Hoàng Văn S đi xe mô tô của mình cùng nhau sang nhà anh Nguyễn Văn Đ ở Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn bán dê cho anh Nguyễn Văn Đ được tổng cộng 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua bán xong bị cáo Hoàng Văn S và bị cáo Hoàng Văn N cùng nhau điều khiển xe mô tô về xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Trên đường về đến xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cả hai dừng lại vào một quán tạp hóa mua nước uống, tại đó bị cáo Hoàng Văn S chia cho bị cáo Hoàng Văn N 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền bán dê rồi cả hai bị cáo đi về nhà.

[4] Sau khi kiểm tra phát hiện bị mất tài sản là 03 (ba) con dê ông Dương Văn C cùng gia đình đã chủ động đi tìm, đồng thời trình báo Cơ quan Công an huyện B để điều tra làm rõ. Qua điều tra, xác minh đã xác định được bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, đồng thời tiến hành thu giữ 03 (ba) con dê tại nhà Nguyễn Văn Đ để phục vụ công tác điều tra, xử lý.

[5] Để có căn cứ xử lý theo pháp luật, ngày 28/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện B đã tiến hành cân xác định trọng lượng vật chứng là 03 (ba) con dê, đồng thời ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản theo quy định pháp luật.

[6] Tại bản Kết luận về việc định giá tài sản số 04/HĐ-ĐG ngày 28/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B xác định: 01 (một) con Dê đực, lông màu đen, nặng 26 kg (Dê giống), có giá là $26 \text{ kg} \times 96.000\text{đ/kg} = 2.496.000$ đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng); 01 (một) con Dê cái, lông màu đen - trắng, nặng 19 kg, có giá là $19 \text{ kg} \times 79.000\text{đ/kg} = 1.501.000$ đồng (một triệu năm trăm linh một nghìn đồng); 01 (một) con Dê cái, lông màu trắng, nặng 24,5 kg, có giá là $24,5 \text{ kg} \times 73.600\text{đ/kg} = 1.803.000$ đồng (một triệu tám trăm linh ba nghìn đồng). Tổng cộng số tài sản trên có giá trị: 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

[7] Như vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giải đơn, các bị cáo cùng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, cùng nhau đi tiêu thụ tài sản trộm cắp được và cùng được hưởng số tiền ngang nhau. Vì vậy xác định vai trò trong vụ án là ngang nhau.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo rủ nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện đi trộm cắp tài sản của người khác vào ban đêm. Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S đã xâm hại trực tiếp đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S một mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để răn đe và phòng ngừa chung.

[9] Về nhân thân: Các bị cáo là người nghiện chất ma túy, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; do muốn có tiền nhanh chóng và ít phải bỏ sức lao động các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo Hoàng Văn S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo Hoàng Văn N trong quá trình điều tra

cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; vì vậy áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo tốt.

[10] Các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S không có ý kiến tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát.

[11] Đối với anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, trú tại Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là người đã mua dê với bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S. Quá trình mua bán dê Nguyễn Văn Đ không biết đó là dê do trộm cắp mà có, sau khi được cơ quan điều tra thông báo đã tự nguyện giao nộp 03 (ba) con dê để phục vụ công tác điều tra. Xét thấy hành vi của Nguyễn Văn Đ không đủ căn cứ xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không đặt ra vấn đề xử lý đối với Nguyễn Văn Đ, là đúng quy định của pháp luật.

[12] Đối với bà Hà Thị T, sinh năm 1971, trú tại Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là người đã cho bị cáo Hoàng Văn N mượn chiếc lồng sắt để thực hiện hành vi phạm tội, khi cho bị cáo Hoàng Văn N mượn chiếc lồng sắt bà Hà Thị T không biết mục đích của bị cáo Hoàng Văn N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B không xử lý đối với bà Hà Thị T, là đúng quy định của pháp luật.

[13] Về tang vật của vụ án:

[14] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trả 03 (ba) con dê cho chủ sở hữu hợp pháp tại giai đoạn điều tra là thuộc thẩm quyền. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[15] Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn trắng, đen BKS: 12S1-092.69, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn trắng, đen BKS: 98B1-017.88, phía sau xe được lắp giá chở hàng bằng sắt, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng. Đây là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, trong quá trình điều tra chứng minh không phải là tài sản riêng của các bị cáo; vì vậy cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

[16] 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng (không rõ chủng loại), góc trên bên phải màn hình bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong điện thoại. Đây là phương tiện dùng để liên lạc trong quá trình phạm tội; vì vậy cần tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

[17] 01 (một) lồng sắt (lồng đựng dê). Đây là công cụ, phương tiện liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Nhưng là tài sản hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi cho mượn không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội; vì vậy cần tuyên trả cho chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

[18] Đối với số tiền 6.811.000 đồng thu giữ của bị cáo Hoàng Văn N, trong đó có 6.500.000 đồng là tiền bán dê, 311.000 đồng là tiền của bị cáo cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[19] Về trách nhiệm dân sự:

[20] Người bị hại đã nhận lại 03 (ba) con dê bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[21] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S bồi thường số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đây là số tiền chính đáng mà anh Nguyễn Văn Đ đã bỏ ra để mua 03 (ba) con dê với các bị cáo, sau đó anh đã mang 03 con dê này nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để trả lại cho người bị hại. Vì vậy buộc các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

[22] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S, là những người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng; nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[23] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo. Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

[24] Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S xin với Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

[25] Những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, đề nghị.

[26] Trong quá trình tra, truy tố Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[27] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S.

Ngoài ra căn cứ điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn S.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt:

Bị cáo Hoàng Văn N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày 29/5/2018.

Bị cáo Hoàng Văn S 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày 29/5/2018.

II. Về tang vật của vụ án:

+ Áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng (không rõ chủng loại), góc trên bên phải màn hình bị nứt vỡ, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong điện thoại.

Tuyên trả cho ông Hoàng Văn C, địa chỉ Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn trắng, đen BKS: 98B1-017.88, phía sau xe được lắp giá đỡ hàng bằng sắt, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Hoàng Văn S 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, màu sơn trắng, đen BKS: 12S1-092.69, tình trạng xe cũ, đã qua sử dụng.

Tuyên trả cho bà Hà Thị T, địa chỉ Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; 01 (một) lồng sắt (lồng đựng dê).

Tuyên tạm giữ số tiền 6.811.000 đồng (sáu triệu tám trăm mười một nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Hoàng Văn N, trong đó có 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền bán dê, 311.000 đồng (ba trăm mười một nghìn đồng) là tiền của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng và số tiền trên hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

III. Về phần dân sự:

+ Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 288 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận là các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn Đ, địa chỉ Thôn D, xã Y, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

IV. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng mỗi bị cáo Hoàng Văn N và bị cáo Hoàng Văn S phải chịu 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA DS huyện B; tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
-
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Mạnh Đức